

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÔNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23 – 4 – 2024  
V/v: “*Không công nhận vợ chồng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Hồi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Hòe; Ông Rmah In.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 155/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10/10/2023 về việc “*Không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Giàng Mí D, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Ea U, xã Cư P, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).

*Bị đơn:* Bà Sùng Thị C, sinh năm 1978. Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2023/QĐST-VDS ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Ea U, xã Cư P, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2023, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn ông Giàng Mí D trình bày:*

[1] Ông Giàng Mí D và bà Sùng Thị C chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì, nhưng do bà C tính tình không được bình thường, lúc mê lúc tỉnh, chung sống được 18 năm thì đến tháng 3 năm 2015 thì bà C bỏ nhà đi, đến tháng 11 năm 2018 bà C về nhà, chung sống được khoảng một tháng thì bà C bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích mặc dù ông D và gia đình đã tìm kiếm rất nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện nay không ai biết bà C đang ở đâu. Tháng 02/2023 ông D làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà C mất tích, Tòa án đã tuyên bố bà C mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố bà C mất tích đến nay, ông cũng không có tin tức gì của bà C. Nay ông D xác định bà C đã bỏ mặc gia đình và bỏ đi đã lâu, xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông D làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông D và bà Sùng Thị C.

[2] *Về con chung:* Ông Giàng Mí D và bà Sùng Thị C có 04 người con chung, các cháu tên Giàng Mí T, sinh ngày 01/01/2003; Giàng Mí H, sinh ngày 01/01/2005; Giàng Mí H1, sinh ngày 01/01/2010 và Giàng Mí P, sinh ngày 05/4/2011. Các cháu Giàng Mí T và Giàng Mí H đã trên 18 tuổi, có đủ sức khỏe để tự lo cho bản thân nên ông D không yêu cầu giải quyết.

Ông D có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Giàng Mí H1 và Giàng Mí P và không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng để nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Tại bản tự khai và biên bản làm việc khác ông D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Cư P ngày 07/11/2023, được chính quyền cung cấp cho biết: Bà Sùng Thị C, sinh năm 1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Ea U, xã Cư P, huyện Krông B. Từ tháng 11 năm 2018 đến nay bỏ đi khỏi địa phương nên ông D yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích, theo quyết định tuyên bố một người mất tích số 03 ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đối với bà Sùng Thị C đến nay vẫn không có tin tức gì của bà C. Hiện nay bà C không có mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì thì chính quyền địa phương không biết.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Cư P cho thấy: Qua kiểm tra sổ sách làm thủ tục đăng ký kết hôn đang được lưu trữ tại UBND xã Cư P từ năm 2000 đến nay không có tên Giàng Mí D và Sùng Thị C ghi trong sổ đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông D vẫn giữ nguyên quan điểm là xin được ly hôn với bà C, vì bà C đã bỏ nhà đi từ tháng 11 năm 2018 đến nay không có tin tức gì vì thế mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà C.

Về con chung: ông D vẫn giữ quan điểm có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung chưa đủ 18 tuổi là Giáng Mí H1 và Giàng Mí P và không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng để nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông trình bày quan điểm đối với việc giải quyết vụ án như sau:***

Về tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn đã được Tòa án tuyên bố mất tích, các thủ tục tố tụng đã niêm yết đầy đủ, tại phiên tòa hôm nay đã được mở lần thứ hai nên việc HĐXX vẫn tiến hành xét xử là bảo đảm đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận ông Giàng Mí D và bà Sùng Thị C là vợ chồng. Đối với con chung do bà C đã bị tuyên bố mất tích nên giao cả 02 người con chung chưa đủ 18 tuổi cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Ông D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có kinh tế đặc biệt khó khăn nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

*[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Giàng Mí D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Sùng Thị C là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Đối với bà Sùng Thị C đã được Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 03/2023/QĐST-VDS ngày 08/9/2023, tại phiên tòa hôm nay bà C tiếp tục vắng mặt lần thứ hai và cũng không ai có tin tức gì, do vậy HĐXX xét thấy không cần thiết phải hoãn phiên tòa và tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

*[2] Về nội dung vụ án:* Ông Giàng Mí D và bà Sùng Thị C chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì, nhưng do bà C tính tình không được bình thường, chung sống đến tháng 3 năm 2015 thì bà C bỏ nhà đi, đến tháng 11 năm 2018 bà C về nhà, chung sống được khoảng một tháng thì bà C bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích mặc dù ông D và gia đình đã tìm kiếm rất nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông D đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tuyên bố mất tích đối với bà Sùng Thị C. Ngày 03/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích số 11/2023/QĐ-TBTK để thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm bà Sùng Thị C. Kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên (theo số báo 105/2023 vào thứ tư ngày 26/4/2023 của Báo tuổi trẻ). Đến nay đã hết thời hạn thông báo tìm kiếm theo quy định tại khoản 2 Điều 388 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức gì về bà Sùng Thị C.

Vào ngày 08/9/2023 Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã mở phiên họp quyết định giải quyết việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với bà Sùng Thị C tại quyết định số 03/2023/QĐST-VDS ngày 08/9/2023. Tòa án nhân dân huyện Krông Bông chấp nhận yêu cầu của ông D về tuyên bố bà Sùng Thị C mất tích.

Ngày 27/9/2023, ông D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông Giàng Mí D với bà Sùng Thị C do không có đăng ký kết hôn. Từ khi Tòa án tuyên bố bà C mất tích đến nay, ông cũng không có tin tức gì của bà C. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đến nay cũng không có tin tức gì, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của ông Giàng Mí D với bà Sùng Thị C không tuân thủ quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không có giá trị về mặt

pháp lý. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014 không công nhận ông Giàng Mí D với bà Sùng Thị C là vợ chồng.

*Về con chung:* Ông D và bà C có 04 người con chung, các cháu tên: Giàng Mí T, sinh ngày 01/01/2003; Giàng Mí H, sinh ngày 01/01/2005; Giàng Mí H1, sinh ngày 01/01/2010 và Giàng Mí P, sinh ngày 05/4/2011.

Các cháu Giàng Mí T và Giàng Mí H đã trên 18 tuổi, có đủ sức khỏe để tự lo cho bản thân, ông D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Ông D có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Giàng Mí H1 và Giàng Mí P. Tại phiên tòa ông D cũng giữ nguyên ý kiến. Xét thấy nguyện vọng của ông D là chính đáng; kể từ khi bà C bỏ nhà đi đến nay thì ông D là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung nên HĐXX cần chấp nhận.

*Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung:* Ông D không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

3. *Về án phí:* Ông D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí nên ông D được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 203; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giàng Mí D về việc Không công nhận vợ chồng với bị đơn bà Sùng Thị C.

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận ông Giàng Mí D và bà Sùng Thị C là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Giao các cháu Giàng Mí H1, sinh ngày 01/01/2010 và Giàng Mí P, sinh ngày 05/4/2011 cho ông Giàng Mí D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu Giàng Mí H1 và Giàng Mí P đủ tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật như; có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Để đảm bảo quyền lợi chung của con chưa đủ tuổi thành niên, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí*: Ông Giàng Mí D được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Văn Hội**